

Số: 07/NQ-DH/DFVN-FIX/2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2025 - QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DFVN (DFVN-FIX)**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98/2020/TT-BTC”);
- Căn cứ Thông tư số 136/20205/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ DFVN-FIX;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng của Quỹ DFVN-FIX số 02/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/02/2021;
- Căn cứ Biên bản họp của Đại hội Nhà đầu tư Thường niên Năm tài chính 2025 của Quỹ DFVN-FIX vào ngày 23/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội Nhà đầu tư thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-FIX¹.

Điều 2: Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-FIX năm 2026.

- ❖ Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 3.000.000 VNĐ/ tháng/ người;
- ❖ Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban đại diện Quỹ DFVN-FIX trong năm 2026 là: 108.000.000 VNĐ.

Điều 3: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PWC (Việt Nam) là công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Quỹ DFVN-FIX.

¹ Đăng tải trên website Công ty, đường dẫn: <https://www.dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/dfvn-FIX/>

Điều 4: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-FIX, như đính kèm

Điều 5: Hiệu lực của Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN), Ban Đại diện Quỹ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Thay mặt và đại diện cho Đại hội Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX).

Chủ tọa
Đại hội Nhà đầu tư

Huỳnh Văn Dũng
Ban Đại diện Quỹ

Đại diện Công ty TNHH MTV
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life



Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Đại diện Ngân hàng TNHH
MTV HSBC (Việt Nam)



NGUYỄN NGỌC QUỲNH
Trưởng Phòng
Bộ Phận Ngân Hàng Giám Sát

Phụ lục đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư Thường niên Năm tài chính 2025 Quỹ DFCVN-FIX
Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFCVN-FIX

| STT | Khoản mục, điều của Điều lệ MỚI | Khoản mục, điều của Điều lệ CŨ | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|--|---|--|
| 1 | <p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ</p> <p>Điều lệ này được lập phù hợp với những quy định của Pháp luật sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”); - Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (“Luật số 56/2024/QH15”); - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155”); | <p>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ</p> <p>Điều lệ này được lập phù hợp với những quy định của Pháp luật sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”); - Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (“Luật số 56/2024/QH15”); - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155”); - Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành | Cập nhật quy định pháp luật ban hành mới |

| | | |
|---|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - <u>Nghị định số 245/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 11 tháng 09 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155 (“Nghị định 245”);</u> - Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 99”); - Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”); - <u>Thông tư số 136/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98 (“Thông tư 136”);</u> - Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”); - Các văn bản Pháp luật có liên quan khác bao gồm cả các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn, thay thế các văn bản trên vào từng thời điểm. | <p>ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 99”);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”); - Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”); - Thông tư số 102/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam (“Thông tư 102”); và - Các văn bản Pháp luật có liên quan khác bao gồm cả các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn, thay thế các văn bản trên vào từng thời điểm. | |
|---|---|--|

| | | | |
|---|--|---|---|
| 2 | <p>II. CÁC ĐỊNH NGHĨA</p> <p>“Ngân hàng Giám sát”: Là Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng HSBC”), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013; <u>Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán”</u> cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ này và các văn bản Pháp luật có liên quan.</p> | <p>II. CÁC ĐỊNH NGHĨA</p> <p>“Ngân hàng Giám sát”: Là Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng HSBC”), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát, Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán”. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ này và các văn bản Pháp luật có liên quan.</p> | <p>Diễn giải lại về nội dung giấy phép của Ngân hàng Giám sát</p> |
|---|--|---|---|

| | | | |
|---|--|--|--|
| 3 | <p>II. CÁC ĐỊNH NGHĨA</p> <p>“Đại hội Nhà đầu tư”: Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết <u>được tổ chức</u> để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.</p> | <p>II. CÁC ĐỊNH NGHĨA</p> <p>“Đại hội Nhà đầu tư”: Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ</p> | <p>Phù hợp với Khoản 2 Điều 5 Thông tư 136 và Điều lệ Quỹ</p> |
| 4 | <p>ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA QUỸ DFVN-FIX</p> <p>Địa chỉ: Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, <u>Phường Phú Nhuận</u>, Thành phố Hồ Chí Minh</p> | <p>ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CỦA QUỸ DFVN-FIX</p> <p>Địa chỉ: Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh</p> | <p>Cập nhật địa chỉ Công ty do thay đổi địa giới hành chính</p> |
| 5 | <p>ĐIỀU 5. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ</p> <p>Trụ sở chính: Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, <u>Phường Phú Nhuận</u>, Thành phố Hồ Chí Minh</p> | <p>ĐIỀU 5. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ</p> <p>Trụ sở chính: Tầng 11, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh</p> | <p>Cập nhật địa chỉ do thay đổi địa giới hành chính</p> |
| 6 | <p>ĐIỀU 6. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT</p> <p>Tên Ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)</p> <p>Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày</p> | <p>ĐIỀU 6. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT</p> <p>Tên Ngân hàng: Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)</p> <p>Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày</p> | <p>Diễn giải lại về nội dung giấy phép của Ngân hàng Giám sát; Cập nhật địa chỉ do</p> |

| | | |
|---|---|---|
| <p>08/09/2008;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013; <u>Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán”</u> cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;</p> <p>Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, <u>Phường Sài Gòn</u>, Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Điện thoại: (84-28) 3829 2288 Fax: (84-28) 6256 3633</p> | <p>08/09/2008;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát;</p> <p>Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán”.</p> <p>Trụ sở chính: Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Điện thoại: (84-28) 3829 2288 Fax: (84-28) 6256 3633</p> | <p>thay đổi địa giới hành chính</p> |
|---|---|---|

| | | | |
|---|---|---|--|
| 7 | <p>ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ</p> <p>8.3 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư</p> <p>a) Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan;</p> <p>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, <u>cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</u></p> <p>e) <u>Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp pháp hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng</u></p> | <p>ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ</p> <p>8.3 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư</p> <p>a) Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật về ngân hàng;</p> <p>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan;</p> <p>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản Cáo bạch; ➢ Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài | <p>Phù hợp với Khoản 2, Khoản 3 Điều 17 Thông tư 136</p> |
|---|---|---|--|

| | | |
|---|---|--|
| <p><u>lẽ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm Quý thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ hai (02) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136;</u></p> <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p>h) <u>Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.</u></p> | <p>liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành</p> <p>f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.</p> | |
|---|---|--|

| | | | |
|---|---|--|--|
| 8 | <p>ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ</p> <p>8.4 Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm (e) Điều 8.3 phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản Cáo bạch;</p> <p>b) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;</p> <p>c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;</p> <p>d) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh</p> | <p>ĐIỀU 8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ</p> <p><i>Không có</i></p> | <p>Phù hợp với Khoản 4, Khoản 5 Điều 17 Thông tư 136</p> |
|---|---|--|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p>ng nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.</p> <p>8.5 Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) Điều 8.3 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty Quản lý Quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống.</p> <p>8.6 Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại điểm (f) Điều 8.3 phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; b) Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ; c) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công ty Quản lý Quỹ xây dựng, được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định | | |
|--|---|--|--|

| | | | |
|---|---|--|--|
| | <p>hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của Quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh</p> | | |
| 9 | <p>ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ</p> <p>9.1 Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:</p> <p>a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>b) <u>Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b), (d), (e), (f), và (h) của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 136; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;</u></p> | <p>ĐIỀU 9. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ</p> <p>9.1 Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:</p> <p>a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (a), (b), (d), (e), (f), và (g) của Điều lệ Quỹ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 98;</p> <p>c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán</p> | <p>Phù hợp với Khoản 6, Khoản 7 Điều 17 Thông tư 136</p> |

| | | |
|--|---|--|
| <p>c) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) <u>Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (e) của Điều lệ Quỹ này, trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ ba (03) năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điều 8.3 điểm (e) hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (e) của Điều lệ Quỹ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điều 8.3 điểm (e) của Điều lệ Quỹ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</u></p> <p>e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;</p> <p>f) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của công ty đầu</p> | <p>đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Điều 8.3 điểm (e) của Điều lệ Quỹ này;</p> <p>e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ;</p> <p>f) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ (DFVN) quản lý;</p> <p>g) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; <p>h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim</p> | |
|--|---|--|

| | | |
|---|-----------------------|--|
| <p>tư chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ (DFVN) quản lý;</p> <p>g) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng Giá trị Tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; <p>h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;</p> <p>i) <u>Không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.</u></p> | <p>loại quý hiếm.</p> | |
|---|-----------------------|--|

| | | | |
|----|--|---|---|
| 10 | <p>ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>13.4 Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 13.2 và 13.3 của Điều lệ Quỹ này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, <u>số định danh cá nhân</u> hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập <u>Đại hội Nhà đầu tư</u> theo quy định tại Điều 13.2 điểm (b) của Điều lệ Quỹ này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập <u>Đại hội Nhà đầu tư</u>; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát,</p> | <p>ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>13.4 Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 13.2 và 13.3 của Điều lệ Quỹ này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy Chứng minh Nhân dân hoặc Căn cước Công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 13.2 điểm (b) của Điều lệ Quỹ này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Hợp đồng Giám sát.</p> | <p>Phù hợp với Khoản 2 Điều 28 Thông tư 136</p> |
|----|--|---|---|

| | | | |
|----|---|--|--|
| 11 | <p>ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>14.2 Sổ chính và Sổ phụ phải có đầy đủ các thông tin sau:</p> <p>b) Thông tin Nhà đầu tư</p> <p>i) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; <u>số định danh cá nhân</u> hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc</p> | <p>ĐIỀU 14. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>14.2 Sổ chính và Sổ phụ phải có đầy đủ các thông tin sau:</p> <p>b) Thông tin Nhà đầu tư</p> <p>i) Đối với cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư; số Giấy Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối với cá nhân nước ngoài) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc</p> | <p>Phù hợp với Khoản 2 Điều 28 Thông tư 136</p> |
| 12 | <p>ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>15.2 Tần suất giao dịch của Quỹ:</p> <p>a) <u>Hiện tại, Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hai (02) lần trong một (01) tuần vào Ngày Giao dịch là các ngày thứ Ba và thứ Năm hàng tuần.</u></p> <p>a.1) <u>Việc tăng tần suất giao dịch của Quỹ, thay đổi Ngày Giao dịch (nếu có) sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo bạch và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Thời điểm áp dụng cụ thể việc tăng tần suất (nếu có) sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Tại thời điểm tần suất giao dịch tăng lên tại điểm này được thực hiện thì điểm a Điều 15.2 Điều lệ Quỹ ở trên sẽ chấm</u></p> | <p>ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>15.2 Tần suất giao dịch của Quỹ:</p> <p>a) Hiện tại, Chứng chỉ Quỹ được giao dịch một (01) lần một (01) tuần vào Ngày Giao dịch là các ngày thứ Ba hàng tuần.</p> <p>a.1) Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ sẽ được tăng lên hai (02) lần trong một (01) tuần với thời gian dự kiến triển khai chậm nhất vào Quý Q4/2025. Ngày Giao dịch được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt của Quỹ. Việc tăng tần suất, thay đổi Ngày Giao dịch (nếu có) sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo bạch và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật. Tại thời điểm tần suất giao dịch hai (02) lần trong một (01) tuần tại điểm này được thực hiện thì điểm a Điều 15.2 Điều</p> | <p>Cập nhật tần suất giao dịch của Quỹ và cập nhật quy định, cơ chế thực hiện khi tăng tần suất giao dịch của Quỹ.</p> |

| | <u>dứt hiệu lực.</u> | lệ Quỹ ở trên sẽ chấm dứt hiệu lực. | |
|----|---|--|--|
| 13 | <p>ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>15.4 Lệnh mua của Nhà đầu tư phải gửi kèm <u>xác nhận</u> việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh. Việc xác nhận hoàn tất <u>việc</u> thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.</p> | <p>ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>15.4 Lệnh mua của Nhà đầu tư phải gửi kèm các tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát xác nhận với Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh. Việc xác nhận hoàn tất thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận.</p> | Phù hợp với Khoản 1 Điều 13 Thông tư 136 |
| 14 | <p>ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>15.9 Phương thức thanh toán: Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ mở đều phải thực hiện bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát. Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh mua có thể được thực hiện bởi Người được ủy quyền hoặc cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà đầu tư (việc chấp nhận Lệnh mua và việc thanh toán cho Lệnh mua được thực hiện bởi Người được ủy quyền hoặc tổ chức, cá nhân khác không phải Nhà đầu tư được quyết định bởi Công ty Quản lý Quỹ và được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch), trong trường hợp như vậy thì Phiếu lệnh <u>và xác nhận việc thanh toán</u> phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc <u>số định danh cá nhân</u> hoặc Hộ chiếu (đối</p> | <p>ĐIỀU 15. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>15.9 Phương thức thanh toán: Tất cả các khoản thanh toán để mua Chứng chỉ Quỹ mở đều phải thực hiện bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát. Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh mua có thể được thực hiện bởi Người được ủy quyền hoặc cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà đầu tư (việc chấp nhận Lệnh mua và việc thanh toán cho Lệnh mua được thực hiện bởi Người được ủy quyền hoặc tổ chức, cá nhân khác không phải Nhà đầu tư được quyết định bởi Công ty Quản lý Quỹ và được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch), trong trường hợp như vậy thì Phiếu lệnh phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ hoặc số Chứng minh Nhân dân/Thẻ Căn cước Công dân hoặc số Hộ chiếu (đối</p> | Phù hợp với Khoản 2 Điều 13 Thông tư 136 |

| | | | |
|----|---|---|---|
| | với cá nhân nước ngoài) hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư. | với cá nhân nước ngoài) và giá trị thanh toán của Nhà đầu tư. | |
| 15 | <p>ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>16.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh trong một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Tổng giá trị các Lệnh bán (kể cả Lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh mua (kể cả Lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng <u>năm phần trăm (5%)</u> Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; hoặc</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc</p> <p>c) <u>Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.</u></p> | <p>ĐIỀU 16. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM DỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>16.1 Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần Lệnh bán, Lệnh Chuyển đổi của Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh trong một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Tổng giá trị các Lệnh bán (kể cả Lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các Lệnh mua (kể cả Lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ; hoặc</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc</p> <p>c) Do yếu tố khách quan của thị trường, Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào Ngày Giao dịch.</p> | Phù hợp với Khoản 3 Điều 15 Thông tư 136 và Khoản 1 Điều 33 Thông tư 98 |

| | | | |
|----|--|---|---|
| 16 | <p>ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>21.2 <u>Đại hội Nhà đầu tư</u> được tổ chức theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ này dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. <u>Đại hội Nhà đầu tư</u> dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.</p> <p><u>Đề rõ ràng, Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ không tổ chức theo chế độ thường niên.</u></p> | <p>ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>21.2 Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. Đại hội Nhà đầu tư thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.</p> | Phù hợp với Khoản 2 Điều 5 Thông tư 136 |
| 17 | <p>ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>21.4 Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên có thể do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập và tổ chức trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lần đầu tiên. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.</p> | <p>ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>21.4 Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên có thể do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập và tổ chức trước Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lần đầu tiên. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư <u>thường niên</u> và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.</p> | Phù hợp với Khoản 2 Điều 5 Thông tư 136 |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 18 | <p>ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>21.5 Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc</p> <p>b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành; hoặc.</p> <p>c) Cần thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Quỹ.</p> <p>21.6 Việc tổ chức họp <u>Đại hội Nhà đầu tư</u> theo quy định tại Điều 21.5 Điều lệ Quỹ này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.</p> | <p>ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>21.5 Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ; hoặc</p> <p>b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.</p> <p>21.6 Việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại Điều 21.5 Điều lệ Quỹ này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường</p> | <p>Phù hợp với Khoản 2 Điều 5 Thông tư 136</p> |
| 19 | <p>ĐIỀU 23. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>23.2 Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác, cụ thể như sau:</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác bao gồm nhưng không giới hạn thành viên Ban Đại diện Quỹ, Đại lý Phân phối, <u>Công ty Quản lý</u></p> | <p>ĐIỀU 23. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>23.2 Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự Đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác, cụ thể như sau:</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác bao gồm nhưng không giới hạn thành viên Ban Đại diện Quỹ, Đại lý Phân phối, Công ty Quản lý Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; việc ủy quyền cho</p> | <p>Cập nhật nội dung ủy quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư cho phù hợp</p> |

| | | | |
|----|--|--|---|
| | <p>Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội Nhà đầu tư theo mẫu do Công ty Quản lý Quỹ phát hành.</p> | <p>người đại diện dự họp Đại hội Nhà đầu tư phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty Quản lý Quỹ phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội Nhà đầu tư phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> | |
| 20 | <p>ĐIỀU 24. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>24.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản như đề cập tại Điều 24.2 của Điều lệ Quỹ này được quy định như sau:</p> <p>c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số định danh cá nhân hoặc số Thẻ căn cước Công dân/Thẻ căn cước</u>, Hộ chiếu của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Nhà đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số định danh cá nhân hoặc Thẻ căn cước Công dân/Thẻ căn cước</u>, Hộ chiếu của cá nhân Người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức, số lượng Chứng chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư.</p> | <p>ĐIỀU 24. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ</p> <p>24.3 Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản như đề cập tại Điều 24.2 của Điều lệ Quỹ này được quy định như sau:</p> <p>c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số Thẻ căn cước Công dân/Thẻ căn cước, Hộ chiếu của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Nhà đầu tư là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc Thẻ căn cước Công dân/Thẻ căn cước, Hộ chiếu của cá nhân Người đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức, số lượng Chứng chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư.</p> | <p>Phù hợp với Khoản 2 Điều 28 Thông tư 136</p> |
| 21 | <p>ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ</p> <p>28.5 (đã bị bãi bỏ).</p> | <p>ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ</p> <p>28.5 Nếu được Đại hội Nhà đầu tư gán nhất ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định từ Điều 22.2 đến</p> | <p>Phù hợp với Khoản 1 Điều 28 Thông tư 136</p> |

| | | | |
|----|---|---|---|
| | | Điều 22.10 của Điều lệ Quỹ này. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban Đại diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. | |
| 22 | <p>ĐIỀU 46. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</p> <p>46.1 Công ty Quản lý Quỹ được tự mình thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.</p> <p>46.2 Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện luật định để phân phối Chứng chỉ Quỹ.</p> <p>46.3 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm <u>đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Trường hợp Đại lý Phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các Đại lý Phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Khoản 11 Điều 78 Thông tư 98. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.</u></p> <p>46.4 Đại lý Phân phối không phải là công ty chứng khoán, công</p> | <p>ĐIỀU 46. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</p> <p>46.1 Công ty Quản lý Quỹ được tự mình thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.</p> <p>46.2 Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện luật định để phân phối Chứng chỉ Quỹ.</p> <p>46.3 Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối/Đại lý Ký danh là phù hợp với quy định của Pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng Phân phối.</p> <p>46.4 Đại lý Phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:</p> | Phù hợp với Khoản 2, Khoản 3 Điều 24 Thông tư 136 |

| | | | |
|----|---|--|---|
| | <p><u>ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối Chứng chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.</u></p> | <p>a) Làm Đại lý Ký danh; b) Đồng thời làm Đại lý Phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý Phân phối.</p> | |
| 23 | <p>ĐIỀU 47. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH</p> <p>47.1. Hoạt động của Đại lý Phân phối, bao gồm:</p> <p>f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư <u>theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp</u>. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Chuyển nhượng và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.</p> | <p>ĐIỀU 47. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DANH</p> <p>47.1. Hoạt động của Đại lý Phân phối, bao gồm:</p> <p>f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Chuyển nhượng và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.</p> | <p>Phù hợp với Điều 25 Thông tư 136</p> |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 24 | <p>ĐIỀU 48. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>48.6. <u>Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý Phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá một (01) triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý Phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ.</u></p> <p><u>Đại lý Phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản Cáo bạch và tại các Hợp đồng Phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.</u></p> <p>48.7. <u>Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.</u></p> | <p>ĐIỀU 48. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>48.6. Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản Cáo bạch và tại các Hợp đồng Phân phối ký với Công ty Quản lý Quỹ.</p> <p>48.7. Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư.</p> <p>48.8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của</p> | <p>Phù hợp với Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 26 Thông tư 136</p> |
|----|---|---|---|

| | | |
|---|--|--|
| <p>48.8. Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.</p> <p>48.9. <u>Đại lý Phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định Pháp luật.</u></p> <p>48.10. <u>Phương tiện để Đại lý Phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.</u></p> <p>48.11. <u>Khi thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng, Đại lý Phân phối phải đảm bảo:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;</u> b. <u>Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định Pháp luật có liên quan; đảm bảo</u> | <p>Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý Phân phối, Đại lý Ký danh phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý Quỹ.</p> | |
|---|--|--|

| | | | |
|--|---|--|--|
| | <p><u>hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt:</u></p> <p>c. <u>Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;</u></p> <p>d. <u>Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối Chứng chỉ Quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết Nhà đầu tư, quy trình phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muôn của Nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ;</u></p> <p>e. <u>Đảm bảo Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính Đại lý Phân phối;</u></p> <p>f. <u>Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 77 Thông tư 98, Điều 48.5 và Điều 48.6 của Điều lệ Quỹ này.</u></p> <p>g. <u>Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại Điều 48.2 cho Nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại Điều 48.1, Điều 48.3 và Điều</u></p> | | |
|--|---|--|--|

| | | | |
|----|---|---|--|
| | <p>48.4 của Điều lệ Quỹ này.</p> <p>h. <u>Đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo Nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.</u></p> <p>48.12. <u>Công ty Quản lý Quỹ phải cập nhật Bản Cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách Đại lý Phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý Phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách Đại lý Phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các Đại lý Phân phối.</u></p> | | |
| 25 | <p>ĐIỀU 49. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN</p> <p>49.1. Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất Công ty Kiểm toán để <u>trình Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt</u> Công ty Kiểm toán được lựa chọn cho Quỹ.</p> | <p>ĐIỀU 49. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN</p> <p>49.1 Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét để lựa chọn một trong các Công ty Kiểm toán có uy tín toàn cầu nằm trong danh sách các Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận thực hiện việc kiểm toán cho Quỹ. Phương án lựa chọn Công ty Kiểm toán sẽ được đệ trình cho Ban Đại diện Quỹ xem xét và lựa chọn theo sự ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư.</p> | Phù hợp với Khoản 1 Điều 28 Thông tư 136 |

| | | | |
|----|---|--|--|
| 26 | <p>ĐIỀU 54. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG</p> <p>54.10 <u>Muôn nhất vào ngày làm việc tiếp theo</u> của Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.</p> | <p>ĐIỀU 54. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG</p> <p>54.10 Tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.</p> | <p>Phù hợp với Điều 17 Thông tư 136</p> |
| 27 | <p>ĐIỀU 60. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>60.1 Giá Dịch vụ Phát hành, Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể được <u>quy định</u> với các mức khác nhau, căn cứ vào giá trị khoản đầu tư, thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ. Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch tóm tắt <u>hoặc được công bố</u> trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định Pháp luật hiện hành.</p> <p>60.2 Đối với Quỹ DFVN-FIX, Giá Dịch vụ Mua lại sau khi thu từ Nhà đầu tư bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được hoàn trả về cho Quỹ.</p> <p>60.3 Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi khung Giá dịch vụ nêu trên tùy theo điều kiện thực tế. Tuy nhiên, Giá Dịch vụ Phát hành tối đa là năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch;</p> | <p>ĐIỀU 60. GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, GIÁ DỊCH VỤ MUA LẠI, GIÁ DỊCH VỤ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ</p> <p>60.1 Giá Dịch vụ Phát hành, Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể được quy định với các mức khác nhau, căn cứ vào giá trị khoản đầu tư, thời hạn nắm giữ Chứng chỉ Quỹ. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại Bản Cáo bạch, Bản Cáo bạch Tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác theo quy định Pháp luật hiện hành.</p> <p>60.2 Đối với Quỹ DFVN-FIX, Giá Dịch vụ Mua lại sau khi thu từ Nhà đầu tư bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được hoàn trả về cho Quỹ.</p> <p>60.3 Công ty Quản lý Quỹ có quyền thay đổi khung Giá dịch vụ nêu trên tùy theo điều kiện thực tế. Tuy nhiên, Giá Dịch vụ Phát hành không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị</p> | <p>Phù hợp với Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Thông tư 136</p> |

| | | | |
|----|--|---|---|
| | <p>Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ tối đa là ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch; <u>việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức giá dịch vụ tối đa.</u> Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau <u>ba mươi (30)</u> ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc các hình thức khác theo quy định Pháp luật hiện hành.</p> | <p>giao dịch; Giá Dịch vụ Mua lại, Giá Dịch vụ Chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và/hoặc các hình thức khác theo quy định Pháp luật hiện hành.</p> | |
| 28 | <p>ĐIỀU 61. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 61.1. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ b) Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ DFVN-FIX là 0,9%*NAV/năm.</p> | <p>ĐIỀU 61. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 61.1. Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ b) Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ DFVN-FIX là 0,9%*NAV một năm. Mức Giá Dịch vụ này có thể được điều chỉnh trong một khoảng thời gian nhất định hoặc điều kiện cụ thể quy định bởi Công ty Quản lý Quỹ nhưng không vượt quá mức 0,9%NAV/năm. Việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được thông báo công khai và việc điều chỉnh phải phù hợp với quy định Pháp luật.</p> | <p>Phù hợp với Khoản 1 Điều 17 Thông tư 98.</p> |
| 29 | <p>ĐIỀU 67. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ 67.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được</p> | <p>ĐIỀU 67. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ 67.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được</p> | <p>Cập nhật phù hợp với quy định pháp luật mới được ban</p> |

| | | | |
|----|---|--|--|
| | <p>đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này <u>hoặc quy định pháp luật được dẫn chiếu trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ</u> thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.</p> | <p>đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.</p> | hành |
| 30 | <p>PHỤ LỤC SỐ 2 CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013; <u>Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán”</u> cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các</p> | <p>PHỤ LỤC SỐ 2 CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát; Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân</p> | Diễn giải lại về nội dung giấy phép của Ngân hàng Giám sát |

| | | | |
|----|---|--|---|
| | <p>điều khoản ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;</p> <p>....</p> | <p>hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán”.</p> <p>...</p> | |
| 31 | <p>PHỤ LỤC SỐ 3</p> <p>CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT</p> <p>Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam</p> <p>Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014 (được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312660770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 02 năm 2023.</p> <p>Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)</p> <p>Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013; Quyết định</p> | <p>PHỤ LỤC SỐ 3</p> <p>CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT</p> <p>Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam</p> <p>Giấy phép thành lập và hoạt động số 53/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014 (được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312660770 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 02 năm 2023.</p> <p>Ngân hàng Giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam)</p> <p>Giấy phép hoạt động số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008;</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/12/2013 cung cấp các</p> | <p>Diễn giải lại về nội dung giấy phép của Ngân hàng Giám sát</p> |

| | <p>số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán” cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;</p> <p>...</p> | <p>dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và (iii) các dịch vụ khác được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện theo các điều khoản của Hợp đồng Giám sát;</p> <p>Quyết định số 1070/QĐ-NHNN ngày 24/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng HSBC liên quan đến “Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán”.</p> <p>...</p> | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|--------------|---|---|--|--|---|------------|--|---|----------|-----------------------------|--|---------|--------------|---|---|--|--|---|------------|--|--|
| 32 | <p>PHỤ LỤC SỐ 4 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN</p> <p>I. Giá trị tài sản</p> <table border="1" data-bbox="254 971 1010 1367"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Loại tài sản</th> <th>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Tiền (VNĐ)</td> <td>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá.</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Ngoại tệ</td> <td>Giá trị quy đổi ra VNĐ theo</td> </tr> </tbody> </table> | STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường | Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | 1 | Tiền (VNĐ) | Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá. | 2 | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VNĐ theo | <p>PHỤ LỤC SỐ 4 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN</p> <p>I. Giá trị tài sản</p> <table border="1" data-bbox="1068 971 1824 1333"> <thead> <tr> <th>ST T</th> <th>Loại tài sản</th> <th>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Tiền (VNĐ)</td> <td>Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá.</td> </tr> </tbody> </table> | ST T | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường | Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | 1 | Tiền (VNĐ) | Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá. | <p>Phù hợp với Phụ lục XIV kèm theo Thông tư 136</p> |
| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền (VNĐ) | Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VNĐ theo | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ST T | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiền (VNĐ) | Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định giá. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|--|--|---|--|--|
| | | tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định giá. | | | | |
| 3 | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định giá. | | 2 | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định giá. |
| 4 | Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định giá | | 3 | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định giá. |
| 5 | Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá yết <u>bình quân</u> trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trũng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công | | 4 | Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định giá |
| | | | | 5 | Đối với các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không | Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trũng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy |

| | | | | | |
|-------------------|--|---|-------------------|---------------------|--|
| | | cụ. | | trả lãi khác | định và thời gian nắm giữ công cụ. |
| Trái phiếu | | | Trái phiếu | | |
| 6 | Trái phiếu niêm yết, <u>Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán</u> | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế. - <u>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức biến động quy định tại mục ghi chú (*) và phương pháp xác định giá được quy định tại Điều lệ Quỹ, là một</u> | 6 | Trái phiếu niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc o Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc o Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện |

| | | | | | | |
|--|---|---------------------------|--|--|---|--|
| | | | <p><u>trong các mức giá sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ○ <u>Giá mua công lãi lũy kế; hoặc</u> ○ <u>Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc</u> ○ <u>Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</u> <p>- <u>(*) Mức biến động được quy định như sau:</u></p> <p>+ <u>Đối với Trái phiếu Chính phủ:</u></p> <p><u>Giá yết bình quân (giá sach) được xác định là có Biên động lớn khi Giá của Trái phiếu vượt quá mức biến động cho phép so với giá Bloomberg (nguồn VNBF) gần nhất trong vòng 30 ngày trước Ngày định giá. Mức biến động cho phép tối đa là 2%.</u></p> <p><u>Trong trường hợp không có giá Bloomberg (nguồn VNBF) nhiều hơn ba mươi</u></p> | | | <p>Quỹ chấp thuận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ tay Định giá và phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. |
| | 7 | Trái phiếu không niêm yết | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày Định giá; hoặc ○ Giá mua công lãi lũy kế; hoặc ○ Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận | |

| | | | <p><u>(30) ngày tính đến Ngày Định giá hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động thì giá so sánh sẽ được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</u></p> <p><u>+ Đối với Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán: Giá yết bình quân (giá sach) được xác định là có Biến động lớn khi Giá của Trái phiếu vượt quá mức biến động cho phép so với Giá Trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với Giá mua gần nhất trong trường hợp Trái phiếu mới. Mức biến động cho phép tối đa là +/-10%</u></p> <p>- Phương pháp định giá</p> | <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="3" data-bbox="1066 282 1816 363">Cổ phiếu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="1066 363 1142 1019">8</td> <td data-bbox="1142 363 1362 1019"> <p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán</p> <p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> </td> <td data-bbox="1362 363 1816 1019"> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Giá mua; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="1066 1019 1142 1360">9</td> <td data-bbox="1142 1019 1362 1360"> <p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> </td> <td data-bbox="1362 1019 1816 1360"> <p>Giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Mệnh giá; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện </td> </tr> </tbody> </table> | Cổ phiếu | | | 8 | <p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán</p> <p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Giá mua; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | 9 | <p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> | <p>Giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Mệnh giá; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện | |
|-----------------|--|---|--|---|-----------------|--|--|---|--|---|---|--|--|--|
| Cổ phiếu | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | <p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán</p> <p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Giá mua; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | | | | | | | | | | | | |
| 9 | <p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> | <p>Giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Mệnh giá; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---------------------------|--|---|----|---|--|--|
| | | | trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ tay Định giá và phải được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | | | Quỹ chấp thuận. | |
| 7 | Trái phiếu không niên yết | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng <u>lãi lũy kế</u> tính tới ngày trước Ngày Định giá; hoặc <ul style="list-style-type: none"> o Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc o Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc o Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Phương pháp định giá trái phiếu hợp lý chi tiết sẽ được trình bày cụ thể trong Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận | | 10 | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | <p>Giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> o 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | |
| | | | | 11 | Cổ phần, phần vốn góp khác | <ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc | |

| Cổ phiếu | | | | |
|------------------------------|--|---|--|---|
| 8 | <p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, <u>cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết</u></p> <p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, <u>cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch</u></p> | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> o Giá trị sổ sách; hoặc o Giá mua; hoặc o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | | <ul style="list-style-type: none"> o Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua. |
| Chứng khoán phái sinh | | | | |
| 12 | Chứng khoán phái sinh niêm yết | Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. | | |
| 13 | Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá | Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | | |
| Các tài sản khác | | | | |
| 14 | Các tài sản được phép đầu tư khác | Giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước Ngày Định | | |

| | | | | | | |
|--|----|--|--|--|--|--|
| | 9 | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch <u>không phải do thay đổi Sở Giao dịch Chứng khoán</u> | <p>Giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Mệnh giá; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | | <p>giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.</p> | |
| | 10 | <u>Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở Giao dịch Chứng khoán</u> | <p>- <u>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá;</u></p> <p>- <u>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + <u>Giá trị sổ sách, hoặc</u> + <u>Giá mua; hoặc</u> + <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện</u> | | | |

| | | | | | |
|----|---|---|------------------------|--|--|
| | | | <u>Quỹ chấp thuận.</u> | | |
| 11 | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | Giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> ○ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định giá; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | | | |
| 12 | Cổ phần, phần vốn góp khác | <ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. - Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong | | | |

| | | | | | |
|------------------------------|---|--|--|--|--|
| | | | <p>các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Giá trị sổ sách; hoặc ○ Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc ○ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua. | | |
| Chứng khoán phái sinh | | | | | |
| 13 | Chứng khoán phái sinh niêm yết | Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá. | | | |
| 14 | Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá | Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. | | | |

| <u>Chứng quyền có bảo đảm</u> | | |
|--------------------------------------|--|--|
| 15 | <u>Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán</u> | <p>- <u>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá;</u></p> <p>- <u>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định giá, là một trong các mức giá sau:</u></p> <p>+ <u>Giá trị sổ sách; hoặc</u></p> <p>+ <u>Giá mua; hoặc</u></p> <p>+ <u>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận</u></p> |
| <u>Các tài sản khác</u> | | |
| 16 | Các tài sản được phép đầu tư khác | Giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước Ngày Định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. |

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | | Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua. | | |
|--|--|--|--|--|--|